TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 48/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận 3, ngày 02 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 605/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/. *Người yêu cầu:* Bà B.T.L, sinh năm 1994

HKTT: Số 174/25/3, Đường N.T.T, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 26, Đường 45, phường BT, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Người yêu cầu: Ông N.H.T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 15/98 C.B, phường C.Ô.L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân phường C.Ô.L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/4/2020 cho bà B.T.L và ông N.H.T thì quan hệ hôn nhân của bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà B.T.L và ông N.H.T đều xác nhận do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đều thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của bà L và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[3] Về con chung: Cả hai đều khai có 01 (Một) con chung tên N.N.Đ.H, sinh ngày 27/5/2021. Bà L – ông T cùng thống nhất giao con cho bà L trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 hàng tháng với số tiền 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng mỗi tháng cho đến khi con thành niên.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 (*Bảy*) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 01 năm 2024, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà B.T.L và ông N.H.T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 01 (Một) con chung tên N.N.Đ.H, sinh ngày 27/5/2021 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Vào ngày 10 hàng tháng, ông T cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng, bắt đầu thực hiện vào ngày 10/02/2024 cho đến khi con thành niên.

Ông N.H.T được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà B.T.L có đơn yêu cầu xin thi hành án, nếu ông N.H.T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nêu trên thì hàng tháng ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện.

- Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng, bà L – ông T phải chịu và được cấn trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0002344 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L – ông T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- UBND Phường C.Ô.L, Quận M;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh Phượng